TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2019/HNGĐ-ST
Ngày 06-06-2019
V/v thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đăng Khoa

Ông Nguyễn Thành Biên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 90/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2093/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1981; nơi ĐKHKTT: Số 42, đường TT, tổ 1C, phường HT, quận DK, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Thôn ĐL, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng;

- *Bị đơn:* Anh Phạm Hải N1, sinh năm 1983; nơi ĐKHKTT: Số 42, đường TT, tổ 1C, phường HT, quận DK, thành phố Hải Phòng , thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: 56 LAAustralia;

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là chị Đỗ Thị N và đơn khởi kiện của anh Phạm Hải N1 đều thống nhất trình bày: Trước đây chị N và anh N1 kết hôn nhưng sau đó vợ chồng mâu thuẫn nên năm 2014 anh chị ly hôn. Theo Bản án số 142 ngày 27/10/2014 của TAND thành phố Hải Phòng xử cho anh chị ly hôn và giao con chung Phạm Triết L cho anh N1 nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Văn M cho chị N nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chúng anh chị xin tự giải quyết. Tuy nhiên, đến nay vì điều kiện hoàn cảnh thay đổi chị N không còn có khả năng bảo đảm việc nuôi dưỡng cho cháu M, trong khi đó

anh N1 có điều kiện chăm sóc cháu M tôt hơn chị N. Để cháu M có sự chăm sóc tốt nhất nên chị N và anh N1 đều đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giao con chung Phạm Văn M, sinh ngày 08/7/2011 cho anh Phạm Hải N1 trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị xin tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh N1 đang ở nước ngoài nên chị N và anh N1 đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt anh chị.

Ý kiến của cháu Phạm Văn M: Cháu đề nghị để bố là anh Phạm Hải N1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, chị Đỗ Thị N và anh Phạm Hải N1 đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt của chị N thể hiện: Giữ nguyên quan điểm đã trình bày như trong đơn khởi kiện và bản tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về quan hệ pháp luật và sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

[1] Chị Đỗ Thị N sinh sống tại thành phố Hải Phòng, anh Phạm Hải N1 đang ở nước ngoài, anh chị cùng có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc hòa giải vụ án và sự vắng mặt của đương sự: Các đương sự đều đang ở nước ngoài và đề nghị không tiến hành hòa giải. Do vậy, căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N và anh N1 đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Xét nội dung đơn khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của nguyên đơn:

[3] Việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm nghĩa vụ của cả chị Đỗ Thị N và anh Phạm Hải N1. Việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm nghĩa vụ của cả chị Đỗ Thị N và anh Phạm Hải N1. Sau khi ly hôn, chị N đã chăm sóc cháu Phạm Văn M. Tuy nhiên, hiện nay chị N không có điều kiện chăm sóc con chung bằng anh N1. Vì vậy, chị N và anh N1 đều thống nhất giao con chung anh N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, xét nguyện vọng của cháu Phạm Văn M: Cháu M thể hiện có nguyện vọng được ở với anh Phạm Hải N1. Để đảm bảo sự phát triển ổn định cả về thể chất, tinh thần của cháu M, theo nguyện vọng của cả chị N, anh N1 và cháu M giao cháu Phạm Văn M cho anh

N1 nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, phù hợp với Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N và anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị N và anh Phạm Hải N1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 228; Điều 238; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

1. Giao con chung là cháu Phạm Văn M, sinh ngày 08 tháng 7 năm 2011 cho anh Phạm Hải N1 nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đỗ Thị N và anh Phạm Hải N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị N tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền chị Hương đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0001821 ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Đỗ Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

- Anh Phạm Hải N1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dương

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đăng Khoa **Nguyễn Thị Mai Vinh** **Lương Ngọc Dũng**